TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MÊ LINH** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 10/2018/QĐST-DS	*Mê Linh, ngày 04 tháng 9 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 24 tháng 8 năm 2018 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số:18/2018/TLST-DS ngày 15 tháng 5 năm 2018.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đ.

Trụ sở: Số 130 P, phường 3, Quận P, TP Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Minh T – Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Đ.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T: Ông Nguyễn Thanh H – Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Đ (Theo Quyết định số 122/QĐ-DAB-HĐQT ngày 27/4/2016 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Đ).

Người đại diện theo uỷ quyền của ông H: Bà Trần Minh Đ – Giám đốc Phòng giao dịch P - Ngân hàng TMCP Đ- chi nhánh V. (Theo Quyết định số 685/QĐ-DAB-PC ngày 14/4/2016 của Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Đ).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Đ: Bà Phạm Thị T – Nhân viên tư vấn TCCN, Phòng giao dịch P - Ngân hàng TMCP Đ- chi nhánh V (Theo Quyết định số 03/QĐ-PY ngày 24/4/2018 của Giám đốc Phòng giao dịch P– Ngân hàng TMCP Đ - chi nhánh V).

- **Bị đơn:** Ông **Nguyễn Văn L** – SN 1978.

Địa chỉ: Khu 6, thôn N, xã P, huyện Mê Linh, TP Hà Nội.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ngân hàng TMCP Đ cho ông Nguyễn Văn L vay tiền theo giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ngày 05/3/2014 được duyệt cho vay ngày 03/4/2014. Tính đến ngày 24/8/2018, ông Nguyễn Văn L còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là: **14.604.806** đồng (*Mười bốn triệu sáu trăm linh tư nghìn tám trăm linh sáu đồng*). Trong đó: Nợ gốc là 10.420.585 đồng (*Mười triệu bốn trăm hai mươi nghìn năm trăm tám mươi lăm đồng*); Lãi trong hạn là 251.646 đồng (*Hai trăm năm mốt nghìn sáu trăm bốn mươi sáu đồng*); Lãi quá hạn là 3.932.575 đồng (*Ba triệu chín trăm ba mươi hai nghìn năm trăm bảy mươi lăm đồng*).

Ông Nguyễn Văn L thanh toán nợ cho Ngân hàng TMCP Đ theo lộ trình sau:

+ Ngày 30/9/2018, ông L trả cho ngân hàng 3.000.000 đồng tiền nợ gốc.

+ Ngày 31/10/2018, ông L trả cho ngân hàng 1.500.000 đồng tiền nợ gốc.

+ Ngày 30/11/2018, ông L trả cho ngân hàng 1.500.000 đồng tiền nợ gốc.

+ Ngày 31/12/2018, ông L trả cho ngân hàng 1.500.000 đồng tiền nợ gốc.

+ Ngày 31/01/2019, ông L trả cho ngân hàng 1.500.000 đồng tiền nợ gốc.

+ Ngày 28/02/2019, ông L trả cho ngân hàng 1.420.585 đồng tiền nợ gốc.

+ Ngày 31/03/2019, ông L trả cho ngân hàng 2.092.110 đồng tiền nợ lãi.

+ Ngày 30/4/2019, ông L trả cho ngân hàng 2.092.111 đồng tiền nợ lãi và tiền lãi phát sinh trên nợ gốc theo thỏa thuận đã ký giữa hai bên kể từ ngày 25/8/2018 cho đến khi trả hết nợ cho ngân hàng.

Trường hợp ông L vi phạm bất kỳ lộ trình trả nợ nào nêu trên hoặc không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ và lãi phát sinh thì Ngân hàng có quyền làm đơn yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền thi hành án để thu hồi nợ.

Về án phí dân sự sơ thẩm là: 365.000đ (*Ba trăm sáu mươi lăm nghìn đồng*). Hai bên thoả thuận ông Nguyễn Văn L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 365.000đ (*Ba trăm sáu mươi lăm nghìn đồng*).

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền 290.000 đ (*Hai trăm chín mươi nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã thu tại phiếu thu số 16504 ngày 15/5/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mê Linh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đào Ngọc San